

Số: **203/2020/DS-PT**

Ngày: 02/7/2020

V/v: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Phạm Văn Ngọt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2020/TLPT-DS ngày 03/6/2020 về tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2020/QĐ-PT ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Ph, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Ph – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Lê Thị V, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Lê Văn R, sinh năm 1951;

Đại diện theo ủy quyền của ông R là bà Lê Thị V (có mặt)

- Lê Văn Nh, sinh năm 1953; (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Lê Thị M, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 123/40 CL, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lê Thị N, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Lê Thị V.

- Lê Văn H, sinh năm 1970; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Lê Văn B, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Lê Văn T (đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn T:

Nguyễn Thị U, sinh năm 1971; Lê Văn Th; Lê Thị D; Lê Văn Tr;

Cùng địa chỉ: Ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. (bà Út và các con có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Ph, Lê Thị V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ph trình bày như sau:

Cha mẹ bà Lê Thị Ph là ông Lê Văn Se và bà Nguyễn Thị Ba có tất cả là 11 người con gồm: Lê Văn C (chết lúc nhỏ), Lê Văn R, Lê Văn Nh (bệnh thần kinh và đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ, còn sống hay đã chết), Lê Văn D (chết lúc nhỏ), Lê Thị M, Lê Thị N, Lê Văn T (chết năm 2009), Lê Thị Ph, Lê Thị V, Lê Văn H và Lê Văn B. Lúc sinh thời ông S và bà B có tạo lập được diện tích đất là 11.210 m² thuộc thửa 2427, tọa lạc tại ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Năm 1984 ông S, bà B có tổ chức họp mặt gia đình để phân chia đất cho 04 người con gồm: Lê Thị N được cho 1.297m²; Lê Thị V được cho 1.317m²; Lê Văn H được cho 2.005m² và Lê Văn B được cho 2.000m², sau đó ông S, bà B có bán một phần đất có diện tích 1.883m² nên nay chỉ còn lại 3.050m². Năm 2002 ông S chết, đến năm 2016 bà B chết, trước khi chết bà B đồng ý để bà Ph và bà V cùng đứng tên trong sổ đỏ nhưng khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V lại gạch tên bà Ph và sửa lại họ Lê Thị V nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cấp cho bà Lê Thị V. Trên diện tích đất tranh chấp có mộ cha mẹ bà Ph, 03 căn nhà (một căn của bà B được Nhà nước cho 30.000.000 đồng, bà M cho 61.000.000 đồng để cất; căn thứ hai là B ở đậu và căn thứ ba là nhà bà Ph), ngoài ra trên đất có 100 cây dừa: ông S trồng 30 cây còn lại 70 cây do bà Ph trồng. Do bà Ph bị tật nguyên từ nhỏ nên ông S, bà B có ý nguyện cho bà một phần đất thuộc thửa 274, 275 (phần đất hiện nay đã có nhà bà Ph) cho bà Ph nhưng bà V quản lý không đồng ý tách sổ cho bà Ph đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông S, bà B chết không để lại di chúc nên bà Ph yêu cầu Tòa án chia phần di sản của ông S, bà B theo pháp luật đối với diện tích đất còn lại là 3.050m² do họ bà Lê Thị V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Ph yêu cầu được nhận 1.276m² trong diện tích 3.050m² và đồng thời yêu cầu Tòa án tạm giao phần thừa kế ông Nh được hưởng cho bà Ph quản lý vì ông Nh đã đi lạc từ nhỏ không biết còn sống hay đã chết. Bà Ph đồng ý kết quả đo đạc, thẩm định và định giá tài sản không có khiếu nại.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Thị V trình bày:

Bà V thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà V (tức ông S, bà B) để lại. Trước khi chết cha mẹ bà V không có để lại di chúc nhưng lúc còn sống cha mẹ bà V có hứa cho bà Ph 1.000m² đất, nay bà chỉ đồng ý giao cho bà Ph phần đất diện tích 1.000m² như lời cha mẹ đã hứa phần còn lại bà V xin được hưởng vì bà V là người sống chung, có cùng hộ khẩu với cha mẹ và là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ những ngày cuối đời. Đối với phần thừa kế của ông Nh được hưởng bà V xin tạm quản lý thay cho ông Nh. Đối với các đồng thừa kế khác như ông Lê Văn R, bà Lê Thị N nếu được chia phần thừa kế và đồng ý để cho bà V hưởng thì bà V xin nhận đất và đồng ý trả giá trị cho các đồng thừa kế theo giá của Hội đồng định giá đã định. Đối với kết quả đo đạc, định giá bà V không có ý kiến gì.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày như sau:

Bà cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn và bị đơn về việc ông S, bà B có tất cả là 11 người con và về nguồn gốc đất tranh chấp. Trước đây bà M có làm yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại và yêu cầu được nhận 1.000m² đất nhưng nay bà rút lại yêu cầu ban đầu và chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất cha mẹ để lại. Đối với căn nhà tình thương nhà nước đã xây cất cho mẹ bà, do có nguyện vọng được về nhà thờ cúng đốt nhang cha mẹ nên bà mới có yêu cầu chia di sản phần căn nhà này. Nhưng nay bà cũng xin rút yêu cầu chia căn nhà, chỉ yêu cầu bà V phải tạo điều kiện mở cửa nhà cho anh em về cúng giỗ đốt nhang, không bị ngăn cản. Đối với kết quả đo đạc, định giá bà M không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày như sau:

Bà cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn và bị đơn về việc ông S, bà B có tất cả là 11 người con và về nguồn gốc đất tranh chấp. Khi cha mẹ còn sống đã chia đất cho tất cả các con, những người con gái thì được chia 01 công đất, những người con trai được chia nhiều hơn nhưng bà không nhớ diện tích cụ thể. Phần 1.000m² bà được nhận bà đã bán lại cho Lê Văn B, riêng bà Ph chưa được nhận đất do cha mẹ cho. Bà có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu nhận phần di sản thừa kế của cha mẹ để lại, nếu bà được nhận thì bà sẽ cho phần bà được hưởng cho Lê Thị V tiếp tục quản lý sử dụng.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2019 của ông Lê Văn R và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn R ủy quyền cho bà Đỗ Thị Liễu trình bày như sau:

Ông R cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn và bị đơn về việc ông S, bà B có tất cả là 11 người con và về nguồn gốc đất tranh chấp. Lúc cha mẹ ông R còn sống đã chia đất cho tất cả các con, con gái được chia 01 công, con trai thì được

nhiều hơn tất cả đều đã nhận đất hết rồi. Phần Lê Thị Ph được nhận đã bán cho Nguyễn Văn Út và Lê Thị M. Nếu Phần đã được nhận đất cha mẹ chia cho mà vẫn còn yêu cầu chia thừa kế thì ông cũng yêu cầu chia di sản của cha mẹ. Nếu Tòa án giải quyết chia di sản của cha mẹ thì ông yêu cầu phần ông được nhận ông sẽ để cho Lê Thị V hưởng để thờ cúng cha mẹ anh em.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2019, đơn yêu cầu ngày 22/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B trình bày như sau:

Ông thống nhất hoàn toàn với trình bày của ông Lê Văn R nguồn gốc đất và thành phần những anh em trong nhà cũng như việc cho đất của cha mẹ cho các anh em của ông. Nay nếu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế thì ông yêu cầu nhận đất chứ không nhận giá trị. Đối với phần di sản của ông Nh được hưởng thì ông đồng ý để cho Lê Thị V tạm quản lý dùm ông Nh. Đối với kết quả đo đạc, định giá ông không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 17/9/2019 và ngày 17/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H trình bày như sau:

Trong vụ kiện tranh chấp chia thừa kế giữa Lê Thị Ph và Lê Thị V ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì ông bệnh tật không đi lại được. Theo ông phần đất Lê Thị Ph đang sử dụng đã được cha mẹ cho trên 30 năm và cha mẹ bán đất thì không có cho tiền Lê Thị M. Trường hợp Tòa án chia di sản của cha mẹ thì ông không nhận mà yêu cầu nhập phần di sản của ông lẽ ra được nhận để chia cho người cùng hàng thừa kế. Do đo lại khó khăn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản xác minh cùng đề ngày 17/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị U trình bày như sau:

Bà là vợ của ông Lê Văn T, đối với phần di sản của cha mẹ chồng để lại bà không có tranh chấp gì và cũng không có yêu cầu gì, do không liên quan đến tranh chấp này nên bà xin không tham gia tố tụng tại Tòa án, bà cam kết không KH nại về sau. Ba người con của bà và ông T hiện đã đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, hiện bà cũng không rõ địa chỉ cụ thể của các con, các con của bà cũng sẽ không KH nại gì vì ông T đã có đất được cha mẹ cho lúc còn sống rồi. Nếu ông T có được hưởng một phần thừa kế thì bà đồng ý để phần đó cho Lê Thị Ph hưởng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 111/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 649, 652, 653, 655, 656, 658, 660 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 623, 627, 628, 630, 631, 649, 650, 651, 688, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 98, 167, 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ph về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Chia thừa kế di sản của ông Lê Văn Se và bà Nguyễn Thị Ba diện tích đất 3.128,6 m², thuộc thửa đất số 32, 68 tờ bản đồ số 26, tọa lạc ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre như sau:

2. Bà Lê Thị Ph được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.217,9m², thuộc thửa đất số 68A và 68B, tờ bản đồ số 26, tọa lạc ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre và do bà Lê Thị V có trách nhiệm giao lại.

3. Bà Lê Thị V được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.216,6m², thuộc thửa đất số 68C và phần còn lại của thửa 68, tờ bản đồ số 26, tọa lạc ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Lê Thị M được quyền sử dụng phần đất diện tích 390,1m², thuộc một phần thửa đất 32A, tờ bản đồ số 26, tọa lạc ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, trên đất có mộ.

5. Ông Lê Văn B được quyền sử dụng phần đất diện tích 304m² thuộc phần còn lại của thửa 32A, tờ bản đồ số 26, tọa lạc ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Lê Thị V.

Buộc các đương sự phải giữ nguyên hiện trạng phần đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 32, 68, tờ bản đồ số 26, tọa lạc ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận nêu trên theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2019 bà Lê Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chia đều phần di sản có diện tích 3.128,6m².

Ngày 12/12/2019 bà Lê Thị Ph kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế cho ông Lê Văn H, không đồng ý chia di sản thừa kế cho bà Lê Thị V.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử lại theo thủ tục chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chia đều phần đất còn lại sau khi trừ đi phần đất của bà Ph là 1.217,9m².

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 3.128,6m² thuộc thửa số 32A và 68, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp TH 2, xã TTB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Thị Ph yêu cầu được chia phần đất có diện tích 1.276m² và yêu cầu Tòa án tạm giao phần thừa kế của ông Lê Văn Nh. Bị đơn là bà Lê Thị V đồng ý giao cho bà Ph phần đất có diện tích 1000m² và xin được tạm quản lý phần thừa kế của ông Lê Văn Nh.

[2] Các bên đương sự đều thống nhất cụ Lê Văn Se và cụ Nguyễn Thị Ba có tất cả là 11 người con gồm: Lê Văn Cấp (chết lúc nhỏ), Lê Văn R, Lê Văn Nh (bệnh thần kinh và đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ, còn sống hay đã chết), Lê Văn Dự (chết lúc nhỏ), Lê Thị M, Lê Thị N, Lê Văn T (chết năm 2009), Lê Thị Ph, Lê Thị V, Lê Văn H và Lê Văn B. Các đương sự cho rằng ông Lê Văn Nh bị bệnh thần kinh và hiện nay không rõ địa chỉ ở đâu (còn sống hay đã chết) nhưng lại giao phần tài sản của ông Nh được chia cho bà Lê Thị V là ảnh hưởng đến việc phân chia di sản.

[3] Tại đơn yêu cầu đề ngày 22/7/2019 ông Lê Văn B có yêu cầu được chia thừa kế phần đất có diện tích là 200m² thuộc một phần thửa 275 tờ bản đồ số 4 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của ông B. Theo nội dung đơn thì ông B yêu cầu được chia phần đất có diện tích là 200m², tuy nhiên bản án sơ thẩm lại chia cho ông B phần đất có diện tích là 304m² là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Bà Lê Thị N có đơn yêu cầu độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của bà N.

[4] Bản án sơ thẩm nhận định di sản thừa kế còn lại là phần đất có diện tích 2.128,6m² nhưng phần quyết định của bản án lại chia di sản là phần đất có diện tích 3.128,6m² là không đúng thực tế. Tại biên bản xác minh ngày 17/9/2019 thì bà Lê Thị U là vợ ông Lê Văn T không tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án nhưng cấp sơ thẩm nhận định ông T được nhận phần đất với diện tích 217m² là vi phạm tố tụng.

[5] Bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế cho bà Lê Thị M phần đất có diện tích là 390,1m² và ông Lê Văn B phần đất có diện tích là 304m² nhưng không xác định loại đất để tách thửa có phù hợp với Quyết định số 41/2019/QĐ-UB ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

[6] Những sai sót nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử lại theo thủ tục chung. Do bản án bị hủy nên bà V không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Bà Lê Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị V số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007684 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim CỬA

Huỳnh Ngọc Dũng

